



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2023



Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Số 87 phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội
Tel: (84-4) 3864 0181 Fax: (84-4) 3864 1366

Mục lục

Thông tin chung	1
Bảng cân đối kế toán	2-3
Báo cáo kết quả kinh doanh	4
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	5-6
Thuyết minh báo cáo tài chính	7-30



Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Số 87 phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội
Tel: (84-4) 3864 0181 Fax: (84-4) 3864 1366

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 ("Công ty") tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước, Công ty Dược phẩm cấp I thuộc Tổng liên hiệp các xí nghiệp Dược Việt Nam nay thuộc Tổng Công ty Dược Việt Nam. Ngày 29 tháng 6 năm 2010, Công ty chính thức chuyển thành Công ty TNHH MTV Dược phẩm trung ương 1 theo quyết định số 045/QĐ-TCTD của Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty Dược Việt Nam. Thực hiện theo quyết định số 2290/QĐ-BYT ngày 12 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt phương án cổ phần hóa, Công ty chuyển đổi sang mô hình cổ phần hóa thành Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 0100108536 ngày 4 tháng 1 năm 2016.

Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100108536 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 4 tháng 1 năm 2016. Công ty cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 16 được cấp ngày 06 tháng 05 năm 2022

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là bán buôn và bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh.

Công ty có trụ sở chính tại số 87, phố Nguyễn Văn Trỗi, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau

Bà Hàn Thị Khánh Vinh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Doãn Liêm	Thành viên
Bà Nguyễn Hồng Nhung	Thành viên
Bà Nguyễn Thùy Dung	Thành viên
Ông Nguyễn Huy Thanh	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Lương Thị Kim Thanh	Trưởng Ban
Bà Bùi Thị Thanh Hải	Thành viên
Bà Hà Lan Anh	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Công Việt Hải	Tổng giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Hòa	Phó Tổng giám đốc	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Bà Hàn Thị Khánh Vinh – Chủ tịch HĐQT. Ông Công Việt Hải – Tổng Giám đốc được bà Hàn Thị Khánh Vinh ủy quyền ký báo cáo tài chính kèm theo cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 theo Giấy ủy quyền số 2368/GUQ-CPC1 ngày 27 tháng 12 năm 2023.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

B01-DN

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
A – TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		979.370.728.549	1.003.412.684.846
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	27.898.593.898	28.789.581.773
1. Tiền	111		27.898.593.898	28.789.581.773
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		603.341.600.745	589.292.140.100
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	547.191.043.196	590.786.638.053
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		55.872.381.979	1.895.796.437
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	6	3.133.137.786	2.352.385.977
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	5	(2.854.962.216)	(5.742.680.367)
IV. Hàng tồn kho	140	7	335.797.786.113	370.496.224.326
1. Hàng tồn kho	141		378.956.598.812	388.197.677.572
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(43.158.812.699)	(17.701.453.246)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		12.332.747.793	14.834.738.647
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	2.174.781.711	838.358.177
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		10.019.437.979	13.975.129.563
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	153	13	138.528.103	21.250.907
B – Tài sản dài hạn	200		155.362.414.241	156.519.760.873
II. Tài sản cố định	220		93.835.244.759	96.845.268.832
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	65.970.011.959	68.980.036.032
- Nguyên giá	222		210.706.863.988	209.180.275.532
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(144.736.852.029)	(140.200.239.500)
3. Tài sản cố định vô hình	227	9	27.865.232.800	27.865.232.800
- Nguyên giá	228		30.571.666.000	30.571.666.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(2.706.433.200)	(2.706.433.200)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn khác	250	10	31.451.046.339	31.471.181.379
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		32.511.198.461	32.511.198.461
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(1.060.152.122)	(1.040.017.082)
VI. Tài sản dài hạn khác	260	11	30.076.123.143	28.203.310.662
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		26.196.957.190	28.203.310.662
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		3.879.165.953	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.134.733.142.790	1.159.932.445.719

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

B01-DN

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
C – NỢ PHẢI TRẢ	300		783.238.541.842	888.590.017.965
I. Nợ ngắn hạn	310		783.238.541.842	888.590.017.965
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	408.477.686.594	571.634.182.849
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.639.178.074	4.576.597.475
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	9.722.338.022	2.909.790.687
4. Phải trả người lao động	314		10.573.663.880	8.750.862.420
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	3.211.318.830	4.756.258.585
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	13.955.361.693	12.413.517.724
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16	334.986.943.470	281.844.371.946
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		672.051.279	1.704.436.279
D – VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	17	351.494.600.948	271.342.427.754
I. Vốn chủ sở hữu	410		351.494.600.948	271.342.427.754
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		209.790.000.000	209.790.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		209.790.000.000	209.790.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	41111		209.790.000.000	209.790.000.000
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.444.991.780	2.444.991.780
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		139.259.609.168	59.107.435.974
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		25.320.830.327	12.119.443.824
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		113.938.778.841	46.987.992.150
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.134.733.142.790	1.159.932.445.719

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà nội, ngày 19 tháng 01 năm 2024

Tổng Giám đốc

Ninh Thị Thu Hiền

Đặng Thị Dư



Công Việt Hải

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

B02-DN

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 4/2023		Lũy kế từ 01/01/2023 đến 31/12/2023	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	01	19.1	623.535.704.847	632.264.502.410	2.158.359.154.152	2.159.564.636.491
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	45.066.667	-	100.577.544
3. Doanh thu thuần về bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		623.535.704.847	632.219.435.743	2.158.359.154.152	2.159.464.058.947
4. Giá vốn hàng bán	11	20	531.437.641.732	548.771.252.439	1.805.186.497.883	1.865.743.565.213
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		92.098.063.115	83.448.183.304	353.172.656.269	293.720.493.734
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19.2	4.550.889.365	5.820.986.096	16.601.376.462	13.115.665.237
7. Chi phí tài chính	22	21	17.508.476.314	17.448.553.181	57.544.904.394	59.380.497.788
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		4.035.179.100	5.635.211.978	17.779.579.670	20.699.715.878
8. Chi phí bán hàng	25	22	32.415.566.418	44.405.164.742	130.825.196.865	146.263.350.560
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	5.128.812.037	7.471.072.413	36.385.272.478	35.950.783.356
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		41.596.097.711	19.944.379.064	145.018.658.994	65.241.527.267
11. Thu nhập khác	31		-	351.500.000	374.395.646	285.648.801
12. Chi phí khác	32		327.038.145	1.142.768	327.038.145	45.472.696
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(327.038.145)	350.357.232	47.357.501	240.176.105
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		41.269.059.566	20.294.736.296	145.066.016.495	65.481.703.372
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	12.521.249.121	5.957.215.661	33.006.403.606	14.993.711.222
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(3.879.165.953)	-	(3.879.165.953)	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		32.626.976.398	14.337.520.635	115.938.778.841	50.487.992.150
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		885	664	5.526	2.407

Người lập biểu



Ninh Thị Thu Hiền

Kế toán trưởng



Đặng Thị Dư

Hà Nội ngày 19 tháng 01 năm 2024



Tổng Giám đốc

Công Việt Hải

Công Ty Cổ phần Dược Phẩm Trung Ương CPC1

Số 87 phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Tel: (84-4) 3864 0181 Fax: (84-4) 3864 1366

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

B03-DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	1		145.066.016.495	65.481.703.372
2. Điều chỉnh cho các khoản			-	-
- Khấu hao TSCĐ	2		7.721.462.641	8.443.665.672
- Các khoản dự phòng	3		38.822.319.388	16.375.749.255
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	4		9.738.570.900	2.900.787.636
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5		(2.787.857.747)	(2.766.675.917)
- Chi phí lãi vay	6		17.779.579.670	20.699.715.878
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		216.340.091.347	111.134.945.896
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9		(6.957.691.106)	65.649.872.778
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(6.991.464.286)	(102.295.103.008)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(169.331.169.825)	116.608.457.588
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(4.230.482.283)	2.306.632.846
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(17.824.581.925)	(20.631.275.333)
- Thuế TNDN đã nộp	15		(27.000.000.000)	(13.663.251.842)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(5.350.490.647)	(5.510.680.362)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(21.345.788.725)	153.599.598.563
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.690.192.300)	(6.127.773.104)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(7.333.326.000)
6. Tiền thu hồi góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.422.220.747	2.415.175.917
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.267.971.553)	(11.045.923.187)

Công Ty Cổ phần Dược Phẩm Trung Ương CPC1

Số 87 phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Tel: (84-4) 3864 0181 Fax: (84-4) 3864 1366

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

B03-DN

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		763.316.612.738	785.090.039.222
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(710.174.041.214)	(881.519.899.092)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(31.440.531.000)	(37.786.829.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		21.702.040.524	(134.216.689.070)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(911.719.754)	8.336.986.306
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		28.789.581.773	20.433.962.843
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		20.731.879	18.632.624
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+61+61)	70		27.898.593.898	28.789.581.773

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 19 tháng 01 năm 2024

Tổng Giám đốc



Ninh Thị Thu Hiền



Đặng Thị Dư



 Công Việt Hải

Công Ty Cổ phần Dược Phẩm Trung Ương CPC1

Số 87 phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Tel: (84-4) 3864 0181

Fax: (84-4) 3864 1366

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

B09-DN

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 ("Công ty"), tiền thân là Công ty Dược phẩm cấp I, một doanh nghiệp nhà nước thuộc Tổng Liên hiệp các Xí nghiệp dược Việt Nam, nay thuộc Tổng Công ty Dược Việt Nam. Vào ngày 29 tháng 6 năm 2010, Công ty chính thức chuyển thành Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 1 theo Quyết định số 045/QĐ-TCTD của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Dược Việt Nam. Thực hiện theo Quyết định số 2290/QĐ-BYT ngày 12 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt phương án cổ phần hóa, Công ty đã chuyển đổi sang mô hình công ty cổ phần với tên gọi Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC 1.

Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100108536 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 4 tháng 1 năm 2016. Công ty cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 16 được cấp ngày 16 tháng 05 năm 2022.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là bán buôn và bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại số 87 phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 308 nhân viên (ngày 01 tháng 01 năm 2023: 323 nhân viên).

Cấu trúc Công ty

Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 bao gồm Văn phòng Công ty, 1 cơ sở bán buôn và 4 chi nhánh hạch toán phụ thuộc ("đơn vị trực thuộc"). Chi tiết như sau:

<i>Tên</i>	<i>Địa chỉ</i>
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 - Cơ sở bán buôn số 1	Quầy 438, tầng 4, TTPP Dược phẩm và Trang thiết bị Hapulico, tòa nhà 24T1, đường Nguyễn Huy Tưởng, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	Số 297/24A, đường Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 - Chi nhánh Quảng Ninh	Số 146, ngõ 3, đường Cao Thắng, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 - Chi nhánh Đà Nẵng	Lô 75-76-77, khu Dân cư, số 2, đường Phan Lăng, phường An Khê, Quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 - Chi nhánh Nghệ An	Số 11, đường Lenin, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Công Ty Cổ phần Dược Phẩm Trung Ương CPC1

Số 87 phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Tel: (84-4) 3864 0181

Fax: (84-4) 3864 1366

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Cơ sở lập báo cáo tài chính của Công ty

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp báo cáo tài chính của văn phòng Công ty và các đơn vị trực thuộc. Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính của văn phòng Công ty và sử dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Các chỉ tiêu của báo cáo tài chính được thực hiện bằng cách hợp cộng các chỉ tiêu tương ứng của tất cả báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc.

Các giao dịch đầu tư vốn, cung cấp hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm, thu hộ, chi hộ,... giữa văn phòng Công ty với các đơn vị trực thuộc hoặc giữa các đơn vị trực thuộc với nhau được căn trừ vào chỉ tiêu tương ứng trên báo cáo tài chính.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

Công Ty Cổ phần Dược Phẩm Trung Ương CPC1

Số 87 phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Tel: (84-4) 3864 0181

Fax: (84-4) 3864 1366

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho là hàng hóa với chi phí mua được xác định như sau:

Hàng hóa

chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công Ty Cổ phần Dược Phẩm Trung Ương CPC1

Số 87 phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Tel: (84-4) 3864 0181

Fax: (84-4) 3864 1366

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất lâu dài.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 6 năm
Phương tiện vận tải	5 - 8 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 7 năm

Quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao.

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công Ty Cổ phần Dược Phẩm Trung Ương CPC1

Số 87 phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Tel: (84-4) 3864 0181 Fax: (84-4) 3864 1366

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**3.9 Chi phí trả trước (tiếp theo)***Tiền thuê đất trả trước*

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo vào ngày 21 tháng 10 năm 2005 và ngày 21 tháng 2 năm 2017 với thời hạn thuê từ ngày 21 tháng 10 năm 2005 đến ngày 21 tháng 10 năm 2050 và từ ngày 21 tháng 2 năm 2017 đến ngày 16 tháng 8 năm 2050. Theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành bởi Bộ Tài chính ngày 25 tháng 4 năm 2013, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.10 Các khoản đầu tư*Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công Ty Cổ phần Dược Phẩm Trung Ương CPC1

Số 87 phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Tel: (84-4) 3864 0181

Fax: (84-4) 3864 1366

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**3.13 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ được cung cấp và được nghiệm thu, xác nhận bởi khách hàng.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Công Ty Cổ phần Dược Phẩm Trung Ương CPC1

Số 87 phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Tel: (84-4) 3864 0181

Fax: (84-4) 3864 1366

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản góp vốn liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Công Ty Cổ phần Dược Phẩm Trung Ương CPC1

Số 87 phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Tel: (84-4) 3864 0181

Fax: (84-4) 3864 1366

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.16 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.17 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là bán buôn và bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty kinh doanh hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý và Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo lĩnh vực địa lý.

3.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Công Ty Cổ phần Dược Phẩm Trung Ương CPC1

Số 87 phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Tel: (84-4) 3864 0181

Fax: (84-4) 3864 1366

4. TIỀN

	Đơn vị tính: VND	
	31/12/2023	01/01/2023
Tiền mặt	1.001.846.774	255.581.478
Tiền gửi ngân hàng	26.896.747.124	28.534.000.295
TỔNG CỘNG	27.898.593.898	28.789.581.773

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Đơn vị tính: VND	
	31/12/2023	01/01/2023
a. Các bên liên quan		
Công ty cổ phần Dược phẩm trung ương I - PHARBACO		393.750.000
b. Bên thứ ba		
Bệnh Viện Chợ Rẫy	15.833.350.000	19.566.172.227
Bệnh viện Bạch Mai	21.867.454.773	13.978.069.220
Bệnh viện Tim Hà nội	23.994.227.780	567.428.740
Bệnh viện Quân y 175	15.020.331.096	4.511.828.662
c. Phải thu khách hàng khác	470.475.679.547	551.769.389.204
TỔNG CỘNG	547.191.043.196	590.786.638.053

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng nợ phải thu khó đòi:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	5.742.680.367	7.626.055.926
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	10.793.483.326	14.407.277.087
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(13.681.201.477)	(16.290.652.646)
Số cuối kỳ	2.854.962.216	5.742.680.367

Chi tiết theo khách hàng nợ xấu:

	Đơn vị tính: VND			
	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Cty CP dược				
VTYT Thái Bình	423.804.500	-	623.804.500	-
Bệnh viện đa khoa Đồng Tháp	-	-	1.291.500.000	904.050.000
Bệnh Viện Đa Khoa Đồng Nai	57.950.000	38.385.000	3.233.303.063	2.172.544.877
Khách hàng khác	4.795.506.240	2.383.913.524	9.832.480.274	6.161.812.593
TỔNG CỘNG	5.277.260.740	2.422.298.524	14.981.087.837	9.238.407.469

Công Ty Cổ phần Dược Phẩm Trung Ương CPC1

Số 87 phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Tel: (84-4) 3864 0181 Fax: (84-4) 3864 1366

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	31/12/2023	01/01/2023
Phải thu hàng nhập khẩu ủy thác (*)	32.098.217	433.818.852
Thuế nhập khẩu ủy thác chi hộ	191.580.439	1.536.676.729
Tạm ứng	-	-
Ký quỹ, ký cược	2.044.281.652	29.685.900
Phải thu ngắn hạn khác	865.177.478	352.204.496
TỔNG CỘNG	3.133.137.786	2.352.385.977

(*) Đây là các khoản phải thu từ các bên giao ủy thác nhập khẩu liên quan đến giá trị các lô hàng nhập khẩu ủy thác đã hoàn thành trong năm và đã được Công ty thanh toán cho nhà cung cấp nhưng chưa được bên giao ủy thác hoàn trả.

7. HÀNG TỒN KHO

	Đơn vị tính: VND			
	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	30.783.737.714	-	111.887.545.859	-
Hàng hóa	348.172.861.098	(43.158.812.699)	276.310.131.713	(17.701.453.246)
TỔNG CỘNG	378.956.598.812	(43.158.812.699)	388.197.677.572	(17.701.453.246)

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

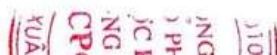
	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	17.701.453.246	16.089.781.488
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	41.689.902.499	17.219.107.732
Trừ: Sử dụng dự phòng trong năm	(16.232.543.046)	(15.607.435.974)
Số cuối kỳ	43.158.812.699	17.701.453.246

Số 87 phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội
Tel: (84-4) 3864 0181 Fax: (84-4) 3864 1366

Số 87 phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội
Tel: (84-4) 3864 0181 Fax: (84-4) 3864 1366

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số dư 01/01/2023	151.944.878.712	32.416.005.588	21.486.734.134	3.332.657.098	209.180.275.532
- Mua trong kỳ	-	481.517.000	3.208.675.300	-	3.690.192.300
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.163.603.844)	-	(2.163.603.844)
Số dư 31/12/2023	151.944.878.712	32.897.522.588	22.531.805.590	3.332.657.098	210.706.863.988
Trong đó: Đã khấu hao hết	79.649.290.922	22.784.615.157	12.248.074.440	2.003.726.941	116.685.707.460
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Số dư 01/01/2023	95.012.909.833	26.435.429.703	16.022.965.869	2.728.934.095	140.200.239.500
- Khấu hao trong kỳ	3.514.434.145	1.608.969.951	1.298.443.891	278.368.386	6.700.216.373
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.163.603.844)	-	(2.162.603.844)
Số dư 31/12/2023	98.527.343.978	28.044.399.654	15.157.805.916	3.007.302.481	144.736.852.029
Giá trị còn lại:					
Số dư 01/01/2023	56.931.968.879	5.980.575.885	5.463.768.265	603.723.003	68.980.036.032
Số dư 31/12/2023	53.417.534.734	4.853.122.934	7.373.999.674	325.354.617	65.970.011.959



Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1

Số 87 phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Tel: (84-4) 3864 0181

Fax: (84-4) 3864 1366

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất lâu dài	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số dư 01/01/2023	27.870.452.800	2.701.213.200	30.571.666.000
Số dư 31/12/2023	27.870.452.800	2.701.213.200	30.571.666.000
Trong đó:			
Đã hao mòn hết	5.220.000	2.701.213.200	2.706.433.200
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số dư 01/01/2023	5.220.000	2.701.213.200	2.706.433.200
Số dư 31/12/2023	5.220.000	2.701.213.200	2.706.433.200
Giá trị còn lại:			
Số dư 01/01/2023	27.865.232.800	-	27.865.232.800
Số dư 31/12/2023	27.865.232.800	-	27.865.232.800

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1

Số 87 phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Tel: (84-4) 3864 0181 Fax: (84-4) 3864 1366

10. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	31/12/2023				01/01/2023			
	Số lượng (cổ phiếu)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Số lượng (cổ phiếu)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác								
Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	2.666.666	27.776.985.675	-	362.399.909.400	2.666.666	27.776.985.675	-	239.999.940.000
Công ty Cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	67.082	2.790.867.722	(1.060.152.122)	1.730.715.600	67.082	2.790.867.722	(1.040.017.082)	1.750.850.640
Công ty Cổ phần Dược Hà Tĩnh (i)	99.825	971.029.662	-	1.697.025.000	99.825	971.029.662	-	1.377.585.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm TV. Pharm	17.600	300.659.375	-	-	17.600	300.659.375	-	413.600.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Vidipha	18.000	472.871.724	-	702.000.000	18.000	472.871.724	-	675.000.000
Công ty Cổ phần Dược và Dịch vụ Thương mại Tuyên Quang	18.000	197.784.303	-	-	18.000	197.784.303	-	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Sanofi - Synthelabo Việt Nam	10	1.000.000	-	-	10	1.000.000	-	-
TỔNG CỘNG		32.511.198.461	(1.060.152.122)	-		32.511.198.461	(1.040.017.082)	



Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1

Số 87 phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Tel: (84-4) 3864 0181

Fax: (84-4) 3864 1366

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Ngắn hạn	Dài hạn		
	Chi phí mua CCDC/chi phí sửa chữa/chi phí thuê VP	Chi phí đất trả trước	Chi phí sửa chữa TSCĐ	Cộng
- Số dư đầu kỳ	838.358.177	26.976.479.392	1.226.831.270	28.203.310.662
- Tăng trong kỳ	2.966.755.161			
- Phân bổ trong kỳ	(1.630.331.627)	(1.021.246.268)	(985.107.204)	(2.006.353.472)
- Số dư cuối kỳ	2.174.781.711	25.955.233.124	241.724.066	26.196.957.190

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1

Số 87 phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Tel: (84-4) 3864 0181

Fax: (84-4) 3864 1366

12. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN

Đơn vị tính: VND

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Công ty liên quan				
Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà nội	-	-	479.899.000	479.899.000
Chi nhánh Công ty cổ phần dược Danapha tại thành phố Hà Nội	64.667.151	64.667.151	4.532.451	4.532.451
Công ty cổ phần Dược phẩm trung ương I -PHARBACO	-	-	-	-
b. Bên thứ ba				
- RV Group (S) PTE.LTD	58.402.205.334	58.402.205.334	-	-
- Hyphen Pharma Pte.Ltd	106.912.001.978	106.912.001.978	164.895.920.295	164.895.920.295
- Pharmaceutical Works Polpharma S.A.	30.841.873.920	30.841.873.920	24.799.480.992	24.799.480.992
- Công ty TNHH B.Braun Việt Nam	31.824.196.277	31.824.196.277	62.149.796.667	62.149.796.667
- Công ty cổ phần Dược phẩm Otsuka Việt Nam	13.765.143.778	13.765.143.778	11.721.588.921	11.721.588.921
- Các nhà cung cấp khác	166.667.598.156	166.667.598.156	307.582.964.523	307.582.964.523
TỔNG CỘNG	408.477.686.594	408.477.686.594	571.634.182.849	571.634.182.849

Số 87 phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội
Tel: (84-4) 3864 0181 Fax: (84-4) 3864 1366

Số 87 phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội
Tel: (84-4) 3864 0181 Fax: (84-4) 3864 1366

Đơn vị tính: VND

Đơn vị tính: VND

	01/01/2023				31/12/2023		
	Số phải thu	Số phải trả	Số phải nộp trong kỳ	Số đã khấu trừ trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số phải thu	Số phải trả
Thuế giá trị gia tăng hàng nội địa	21.250.907	84.306.378	137.232.562.727	(136.461.911.306)	(353.026.592)	138.528.103	619.208.403
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	63.817.926.059	-	(63.817.926.059)	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	-	1.323.412.543	-	(1.323.412.543)	-	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	4.659.087.466	-	(4.659.087.466)	-	2.098.162.054
Thuế thu nhập cá nhân	-	440.123.202	2.552.563.952	-	(2.446.546.396)	-	546.140.758
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.384.424.338	33.006.403.607	-	(27.000.000.000)	-	8.390.827.945
Các loại thuế khác	-	-	192.910.584	-	(192.910.584)	-	-
Phí, lệ phí	-	936.769	166.160.916	-	(936.769)	-	166.160.916
TỔNG CỘNG	21.250.907	2.909.790.687	242.951.027.854	(136.461.911.306)	(99.793.846.409)	138.528.103	9.722.338.022

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1

Số 87 phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Tel: (84-4) 3864 0181 Fax: (84-4) 3864 1366

14. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	31/12/2023	01/01/2023
Lãi vay tạm tính	238.256.330	283.258.585
Chi phí trích trước	2.973.062.500	4.473.000.000
TỔNG CỘNG	<u>3.211.318.830</u>	<u>4.756.258.585</u>

15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	31/12/2023	01/01/2023
Phải trả hàng ủy thác	11.710.713.917	10.207.943.344
Kinh phí công đoàn	36.770.260	38.235.540
Cổ tức phải trả	170.810.000	142.841.000
Các khoản phải trả khác	2.037.067.516	2.024.497.840
TỔNG CỘNG	<u>13.955.361.693</u>	<u>12.413.517.724</u>

16. VAY NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	01/01/2023		Số phát sinh trong kỳ		31/12/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngân hàng	254.828.371.946	254.828.371.946	268.251.750.080	(260.778.198.864)	317.875.943.470	317.875.943.470
Vay cá nhân	27.016.000.000	27.016.000.000	9.040.000.000	(18.945.000.000)	17.111.000.000	17.111.000.000
TỔNG CỘNG	281.844.371.946	281.844.371.946	277.291.750.080	(279.723.198.864)	344.986.943.470	344.986.943.470

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn như sau:

Bên cho vay	31/12/2023 (VND)	01/01/2023 (VND)	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh Thăng Long	71.538.952.701	72.272.100.670	4,3%-7,97%	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh SGD2	45.064.163.252	40.913.752.802	3,5%-8,7%	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Công thương VN	14.680.202.975	-	5,0%-5,8%	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình	34.588.093.913	37.019.542.697	5,0%-8,5%	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình	19.559.455.839	24.132.211.478	3,5%-8,6%	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm	54.191.834.098	80.490.764.299	2,8%-8,5%	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN – Sở giao dịch	22.053.327.524		3,3%-3,8%	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đô	8.394.723.076		5%	Tín chấp
NH NN và PT Nông thôn CN Tân Bình	15.454.076.884		5,5%	Tín chấp
NH TMCP Hàng Hải VN – Sở giao dịch	32.351.113.208		5,3%-5,1%	Tín chấp
Vay cá nhân	17.111.000.000	27.016.000.000	8,0%-8,3%	
TỔNG CỘNG	334.986.943.470	281.844.371.946		

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1

Số 87 phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Tel: (84-4) 3864 0181

Fax: (84-4) 3864 1366

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn cổ phần đã phát hành	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại ngày 01/01/2023	209.790.000.000	2.444.991.780	59.107.435.974	271.342.427.754
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	115.938.778.841	115.938.778.841
- Chia cổ tức (*)	-	-	(31.468.500.000)	(31.468.500.000)
- Quỹ thưởng HĐQT, BKS, Ban TGD 2022 (*)	-	-	(314.666.667)	(314.666.667)
- Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi 2022 (*)	-	-	(2.003.438.980)	(2.003.438.980)
- Tạm phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi 2023 (*)	-	-	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2023	209.790.000.000	2.444.991.780	139.259.609.168	351.494.600.948

17.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2023 (Cổ phiếu)			01/01/2023 (Cổ phiếu)		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tổng số	Cổ phiếu thường	Tỷ lệ sở hữu (%)
Tổng Công ty Dược Việt Nam – Công ty Cổ phần Ông Lê Nam	13.721.550	13.721.550	65,406%	13.721.550	13.721.550	65,406%
Thăng	1.700.000	1.700.000	8,103%	1.700.000	1.700.000	8,103%
Bà Lê Thị Kim Ánh	1.518.800	1.518.800	7,240%	1.518.800	1.518.800	7,240%
Ông Nguyễn Doãn Liêm	1.210.940	1.210.940	5,772%	1.210.940	1.210.940	5,772%
Cổ đông khác	2.827.710	2.827.710	13,479%	2.827.710	2.827.710	13,479%
TỔNG CỘNG	20.979.000	20.979.000	100%	20.979.000	20.979.000	100%

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (năm 2019: 10.000 VND/cổ phiếu).

17.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu năm	209.790.000.000	209.790.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	209.790.000.000	209.790.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	31.468.500.000	37.762.200.000

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1

Số 87 phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Tel: (84-4) 3864 0181 Fax: (84-4) 3864 1366

18. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

18.1 Hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba

	31/12/2023	01/01/2023
Hàng hóa nhập khẩu ủy thác giữ hộ bên thứ ba (VND)	1.533.462.787	19.153.024.324

18.2 Ngoại tệ các loại

	31/12/2023	01/01/2023
USD	14.044	22.524
EUR	14.938	14.924

19. DOANH THU

19.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	2.158.359.154.152	2.159.564.636.491
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	2.139.217.757.675	2.139.184.221.653
Doanh thu cung cấp dịch vụ	19.141.396.477	20.380.414.838
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	(100.577.544)
Hàng bán bị trả lại	-	(100.577.544)
DOANH THU THUẦN	2.158.359.154.152	2.159.464.058.947

19.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	33.095.447	44.023.917
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.389.125.300	2.371.152.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	14.179.155.715	10.700.489.320
TỔNG CỘNG	16.601.376.462	13.115.665.237

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán và cung cấp dịch vụ	1.763.496.595.384	1.848.524.457.481
Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	41.689.902.499	17.219.107.732
TỔNG CỘNG	1.805.186.497.883	1.865.743.565.213

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1

Số 87 phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Tel: (84-4) 3864 0181 Fax: (84-4) 3864 1366

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	17.779.579.670	20.699.715.878
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	30.006.618.784	34.739.977.192
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	9.738.570.900	2.900.787.636
Chi phí tài chính khác	20.135.040	1.040.017.082
TỔNG CỘNG	57.544.904.394	59.380.497.788

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân công	55.912.089.267	53.059.519.563
Chi phí vật liệu, bao bì	7.797.325.932	8.370.064.911
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.646.635.880	44.308.802.013
Chi phí khấu hao và hao mòn	6.520.268.625	7.416.798.571
Chi phí bán hàng khác	30.948.877.161	33.108.165.502
TỔNG CỘNG	130.825.196.865	146.263.350.560

Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm

Chi phí nhân công	11.944.200.075	12.147.150.978
Chi phí thuê đất	5.583.120.976	5.546.686.608
Chi phí trích lập/hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(2.887.718.151)	(1.883.375.559)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.687.145.783	6.806.067.921
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	15.058.523.795	13.334.253.408
TỔNG CỘNG	36.385.272.478	35.950.783.356

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí mua hàng hóa để bán	1.763.496.595.384	1.848.524.457.481
Trích lập dự phòng GGHTK	41.689.902.499	17.219.107.732
Chi phí nhân công	67.856.289.342	65.206.670.541
Chi phí dịch vụ mua ngoài	36.333.781.663	51.114.869.934
Chi phí khấu hao và hao mòn	7.721.462.641	8.443.665.672
Chi phí khác	55.298.935.697	57.448.927.769
Tổng cộng	1.972.396.967.226	2.047.957.699.129

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1

Số 87 phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Tel: (84-4) 3864 0181

Fax: (84-4) 3864 1366

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") của Công ty là 20% trên tổng thu nhập chịu thuế.

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Thuế thu nhập doanh nghiệp	33.006.403.606	14.993.711.222
Chi phí thuế TNDN năm hiện hành	32.572.359.219	14.993.711.222
Điều chỉnh thuế của năm trước	434.044.387	
Thuế TNDN hoãn lại	(3.879.165.953)	-

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận chịu thuế và lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	145.066.016.495	65.481.703.372
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	29.013.203.299	13.096.340.674
Các khoản điều chỉnh tăng	4.036.980.980	2.371.600.948
Trong đó: Thù lao HĐQT + BKS	288.000.000	273.000.000
Dự phòng GGHTK	19.395.829.763	11.539.532.044
Giảm chi phí thuế GTGT hạch toán phí	174.036.994	
Chi phí khác	327.038.145	45.472.696
Các khoản điều chỉnh giảm	(477.825.060)	(474.230.400)
Trong đó: Lãi đầu tư tài chính	(2.389.125.300)	(2.371.152.000)
Điều chỉnh thuế của năm trước	434.044.387	-
Chi phí thuế TNDN	33.006.403.606	14.993.711.222
Thuế TNDN hoãn lại	(3.879.165.953)	-

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1

Số 87 phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Tel: (84-4) 3864 0181

Fax: (84-4) 3864 1366

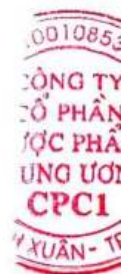
25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

Đơn vị tính: VND				
Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty Dược Việt Nam – Công ty Cổ phần	Công ty mẹ	Cổ tức công bố và đã trả	20.582.325.000	24.698.790.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty đầu tư dài hạn khác	Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ	2.172.345.320	2.118.153.120
		Mua hàng hoá và dịch vụ	-	1.213.155.925
		Cổ tức công bố và đã trả	-	-
		Cổ tức đã nhận	2.133.332.800	2.133.332.800
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 1 – Pharbaco	Công ty có chung thành viên HĐQT	Bán hàng hoá và dịch vụ	412.500.000	675.000.000
		Mua hàng hoá và dịch vụ	2.994.902.100	1.135.380.150

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:

Công ty bán hàng cũng như mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.



Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1

Số 87 phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Tel: (84-4) 3864 0181

Fax: (84-4) 3864 1366

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc:

		Đơn vị tính: VND	
Tên	Chức vụ	Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
Bà Hàn Thị Khánh Vinh	Chủ tịch HĐQT	84.000.000	63.000.000
Ông Nguyễn Doãn Liêm	Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc đến ngày 1 tháng 4 năm 2022	60.000.000	324.845.455
Ông Công Việt Hải	Tổng giám đốc từ ngày 1 tháng 4 năm 2022	753.476.245	530.223.278
Bà Nguyễn Thị Hòa	Phó Tổng Giám đốc	567.429.819	567.877.116
Bà Nguyễn Hồng Nhung	Thành viên HĐQT	60.000.000	60.000.000
Nguyễn Huy Thanh	Thành viên HĐQT	60.000.000	60.000.000
Nguyễn Thùy Dung	Thành viên HĐQT	60.000.000	60.000.000
Ban kiểm soát	Ban kiểm soát	501.249.996	524.238.635
TỔNG CỘNG		2.146.156.060	2.211.184.484

Người lập biểu

Ninh Thị Thu Hiền

Kế toán trưởng

Đặng Thị Dư

Hà Nội, ngày 19 tháng 01 năm 2024
Tổng Giám đốc



Công Việt Hải



